

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đua

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Văn Cho

2. Bà Nguyễn Hoa Lài

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Thanh Tường – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Võ Thanh N – vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Thị T, thị trấn Rạch G, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

***2. Bị đơn:*** Nguyễn Đào M – vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Thị T, thị trấn Rạch G, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

***3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Trần Thị T – Vắng mặt

Địa chỉ: ấp 6, xã Lương T, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/01/2021, Bản tự khai ngày 07/01/2021 nguyên đơn anh Võ Thanh N trình bày: Anh và chị M kết hôn với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau. Nhận thấy tình cảm không còn nên anh làm đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Đào M.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung cháu tên Võ Hoàn T sinh ngày 25/5/2013 và cháu Võ Nguyễn Thành D sinh ngày 07/02/2015. Hiện nay các cháu đang sống chung với bà ngoại là Trần Thị T. Anh đồng ý để bà T được tiếp tục nuôi các cháu theo nguyện vọng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh Nguyễn có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn chị Nguyễn Đào M trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 10/3/2021: Chị và anh Võ Thanh N kết hôn với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Năm 2014, do vợ chồng làm ăn thua lỗ nên chị đi huyện An Khê, tỉnh Gia Lai làm kiếm tiền trả nợ, từ đó vợ chồng xa cách không còn quan tâm đến nhau. Nay, anh N yêu cầu ly hôn chị cũng đồng ý.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung cháu tên Võ Hoàn T sinh ngày 25/5/2013 và cháu Võ Nguyễn Thành D sinh ngày 07/02/2015. Hiện nay các cháu đang sống chung với bà ngoại là Trần Thị T. Chị đồng ý để bà T được tiếp tục nuôi các cháu theo nguyện vọng, Chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị M có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 29/01/2021: Bà là mẹ ruột của chị Nguyễn Đào M. Hiện nay bà đang nuôi cháu Võ Hoàn T sinh ngày 25/5/2013 và cháu Võ

Nguyễn Thành D sinh ngày 07/02/2015. Các cháu là con của Nguyễn Đào M và Võ Thanh N. Bà đồng ý tiếp tục nuôi các cháu và chưa yêu cầu anh Võ Thanh N và chị Nguyễn Đào M cấp dưỡng nuôi con chung. Bà có yêu cầu không tham gia các gia đoạn tố tụng tại tòa án và yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật, Đối với anh N và chị M có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh N.

Về việc nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Võ Thanh N được ly hôn với chị Nguyễn Đào M. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu 02 cháu tên Võ Hoàn T sinh ngày 25/5/2013 và cháu Võ Nguyễn Thành D sinh ngày 07/02/2015 cho bà Trần Thị T được tiếp tục nuôi các cháu theo nguyện vọng, anh N và chị M chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Võ Thanh N và chị Nguyễn Đào M do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên anh N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Đào M. Do chị M có nơi cư trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Võ Thanh N, bị đơn Nguyễn Đào M và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị T có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị M và bà T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Võ Thanh N và chị Nguyễn Đào M là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không thể sống chung với nhau nên đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Điều này chứng minh đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã triệu tập các đương sự đến tòa để hòa giải hàn gắn gia đình nhưng các đương sự đã từ chối không yêu cầu tham gia phiên hòa giải. Nay, anh N yêu cầu ly hôn với chị M nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho anh Võ Thanh N được ly hôn với chị Nguyễn Đào M.

[3.2] Về con chung: Anh N và chị M có hai con chung cháu tên Võ Hoàn T sinh ngày 25/5/2013 và cháu Võ Nguyễn Thành D sinh ngày 07/02/2015. Hiện nay các cháu đang sống chung với bà Trần Thị T. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu T và cháu D còn nhỏ, sống chung với bà T từ nhỏ và có nguyện vọng được sống chung với bà T. Bà T cũng có yêu cầu nuôi các cháu. Do vậy, nhằm ổn định chỗ ở và cuộc sống theo nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu D cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng. Do bà T chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nên chị M và anh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do chị M và anh N không trực tiếp nuôi con chung cho nên bà T phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị M và anh N được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[3.3] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Võ Thanh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Võ Thanh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Võ Thanh N được ly hôn với chị Nguyễn Đào M.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Võ Hoàn T sinh ngày 25/5/2013 và cháu Võ Nguyễn Thành D sinh ngày 07/02/2015 cho bà Trần Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Do bà T chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nên chị M và anh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho chị Nguyễn Đào M và anh Võ Thanh N không ai được quyền ngăn.

3. Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Võ Thanh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Võ Thanh N đã nộp theo biên lai số 0007404 ngày 25/01/20210 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (anh N đã nộp xong).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND tt Rạch G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Nguyễn Văn Đua**